

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 26/9/2018.

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Dung;

2. Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2018/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1982; Địa chỉ: Xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2018, bản tự khai, quá trình hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2001 tại UBND xã V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Thời gian mới kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Hiện tại, hai vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm nay. Bà H về sống cùng mẹ ruột. Nay, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà quyết định ly hôn với ông Lê Minh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung tên Lê Võ Thế N, sinh ngày 06/02/2004 và Lê Võ Triệu V1, sinh ngày 02/01/2006. Khi ly hôn bà H tôn trọng quyền quyết định của các con. Nếu các con sống với bà H thì bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 5 năm 2018, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Minh T trình bày: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà H về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H muốn được sống tự do. Hai vợ chồng đã ly thân được gần 01 năm. Ông T thương yêu vợ con nhưng bà H vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Nay, với yêu cầu của bà H thì ông T không đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Lê Võ Thế N, sinh ngày 06/02/2004 và Lê Võ Triệu V1, sinh ngày 02/01/2006. Ông Lê Minh T không muốn ly hôn và mong hai vợ chồng cùng nhau chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Minh T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng như Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, bà H và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp, do có mâu thuẫn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung, trong quá trình chung sống, bà H và ông T có 02 người con chung tên Lê Võ Thế N, sinh ngày 06/02/2004 và Lê Võ Triệu V1, sinh ngày 02/01/2006; khi ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng

nuôi con. Các con chung hiện đang sống với bà H và có nguyện vọng được sống với bà H nên tiếp tục để bà H nuôi dưỡng, chăm sóc. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; bị đơn ông Lê Minh T có nơi cư trú tại Xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương; do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Võ Thị H và ông Lê Minh T chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2001 tại UBND xã V, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã; ông T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H muốn được sống tự do, thoải mái. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân được gần 01 năm, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, trong thời gian sống ly thân các bên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, quá trình hòa giải tại Tòa án thể hiện tình cảm của bà H và ông T không thể đoàn tụ. Theo xác minh tại chính quyền địa phương thì việc mâu thuẫn giữa bà H và ông T địa phương không biết.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của bà H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các bản sao giấy khai sinh, xác định bà H và ông T có 02 người con Lê Võ Thế N, sinh ngày 06/02/2004 và Lê Võ Triệu V1, sinh ngày 02/01/2006, bà H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Các con có nguyện vọng được sống cùng với bà H. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển của các con chung nên để bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung

Lê Võ Thế N, sinh ngày 06/02/2004 và Lê Võ Triệu V1, sinh ngày 02/01/2006 là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà H và ông T được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H đối với bị đơn ông Lê Minh T.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị H được ly hôn với ông Lê Minh T.

2. Bà Võ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Lê Võ Thế N, sinh ngày 06/02/2004 và Lê Võ Triệu V1, sinh ngày 02/01/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0007357 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- UBND xã V, TX Tân Uyên, BD;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Duyên